

## Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021



**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF**

**MỤC LỤC**

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	2
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	3 - 12
Báo cáo của Ngân hàng Giám sát	13
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	14 - 15
Báo cáo thu nhập giữa niên độ	16
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	17 - 18
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ	19
Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ	20
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	21 - 22
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	23 - 52

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

## THÔNG TIN CHUNG

### QUỸ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 24/GCN-UBCK ngày 10 tháng 5 năm 2019 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 40/GCN-UBCK ngày 9 tháng 8 năm 2019 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 5.658.181,28 chứng chỉ với tổng giá trị là 56.581.812.800 VNĐ, chiếm 113,16% tổng số chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 5.000.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VNĐ/đơn vị quỹ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 78.801.093.500 VNĐ, tương đương với 7.880.109,35 chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư chính của Quỹ là bảo toàn vốn ban đầu và mang lại thu nhập thường xuyên bằng cách đầu tư vào các tài sản cho thu nhập cố định.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank, Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ").

### NGÂN HÀNG GIÁM SÁT VÀ LƯU KÝ

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ là Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam). Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

### CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 06/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 2 tháng 12 năm 2005, và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

### BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện Quỹ trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Mạc Quang Huy	Chủ tịch, thành viên độc lập	Ngày 9 tháng 8 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên độc lập	Ngày 9 tháng 8 năm 2019
Ông Phạm Ngọc Ninh	Thành viên	Ngày 9 tháng 8 năm 2019

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Vũ Quang Đông, chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank - Công ty Quản lý Quỹ.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Quỹ.

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF**

**BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ**

Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF ("Quỹ") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ban Giám đốc Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ"), với tư cách là công ty quản lý quỹ của Quý, chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ và danh mục đầu tư giữa niên độ, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Quý trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quý có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quý sẽ tiếp tục hoạt động.


Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo việc các số sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Quý, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các số sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quý và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

**PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Theo đó, chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm, trên cơ sở cam kết của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ. Báo cáo tài chính giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ và danh mục đầu tư giữa niên độ của Quý tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ:



Ông Mạc Quang Huy  
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2021

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

## BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

### I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

#### 1. Mục tiêu của Quỹ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 24/GCN-UBCK ngày 10 tháng 5 năm 2019 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 40/GCN-UBCK ngày 9 tháng 8 năm 2019 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Mục tiêu đầu tư chính của Quỹ là bảo toàn vốn ban đầu và mang lại thu nhập thường xuyên bằng cách đầu tư vào các tài sản cho thu nhập cố định.

#### 2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ đã được soát xét, tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2021, thay đổi giá trị tài sản ròng ("NAV") trên 1 đơn vị quỹ của Quỹ và thay đổi của chỉ số tham chiếu lần lượt là 2,89% và 1,17% so với ngày 31 tháng 12 năm 2020.

#### 3. Chiến lược đầu tư của Quỹ

Chiến lược đầu tư của Quỹ là tìm kiếm lợi nhuận theo một chiến lược đầu tư minh bạch và nghiêm ngặt. Quỹ duy trì danh mục đa dạng các loại tài sản cho thu nhập cố định ở các lĩnh vực, ngành nghề mà pháp luật không cấm.

Các loại tài sản Quỹ được đầu tư bao gồm tài sản có thu nhập cố định, cổ phiếu, công cụ phái sinh và các quyền tài sản phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ. Tùy theo tình hình thị trường, Quỹ sẽ đầu tư lên đến 100% tài sản của Quỹ vào các tài sản có thu nhập cố định. Quỹ sẽ không mua cổ phiếu nhưng có thể thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu hoặc thực hiện quyền mua cổ phiếu nếu quyền này được phát hành kèm trái phiếu. Trong mọi trường hợp, giá trị cổ phiếu mà Quỹ nắm giữ sẽ không vượt 20% tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ sẽ đưa ra phương pháp lựa chọn đầu tư phù hợp, tuân thủ các quy định tại Điều lệ Quỹ. Dựa trên nhận định của Công ty Quản lý Quỹ về tình hình kinh tế vĩ mô và xu hướng lãi suất, Công ty Quản lý Quỹ sẽ thực hiện phân bổ tài sản hợp lý nhằm đạt được mục tiêu của Quỹ.

#### 4. Phân loại Quỹ

Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ mở theo quy định của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ("Thông tư 98") ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành.

#### 5. Thời gian khuyến nghị đầu tư của Quỹ: Trung đến dài hạn

#### 6. Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao): Thấp

#### 7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 40/GCN-UBCK ngày 9 tháng 8 năm 2019 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

#### 8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

- Tổng giá trị tài sản ròng: 87.858.179.067 VNĐ
- Số lượng chứng chỉ quỹ: 7.880.109,35 chứng chỉ quỹ

#### 9. Lợi nhuận tham chiếu của Quỹ: Lợi suất trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 10 năm

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF**

**BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)**

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ (tiếp theo)**

**10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ**

Việc phân phối lợi nhuận của Quỹ cho Nhà đầu tư sẽ do Ban Đại diện Quỹ quyết định phù hợp với các quy định tại Điều lệ Quỹ theo đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ trên cơ sở các báo cáo tài chính đã kiểm toán xác nhận khả năng có thể phân phối lợi nhuận.

Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân phối lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

Lợi nhuận của Quỹ sẽ không được phân phối nếu sau khi phân phối:

- Quỹ không đủ khả năng tài chính để hoàn thành các nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ tài sản, các khoản nợ đến hạn theo quy định của pháp luật; hoặc
- Giá trị tài sản ròng của Quỹ dưới mức tối thiểu theo quy định của pháp luật.

**11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị quỹ**

Trong kỳ, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

**II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG**

**1. Cơ cấu tài sản quỹ**

<i>Cơ cấu tài sản quỹ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021 (%)</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020 (%)</i>
Danh mục trái phiếu	47,63	41,60
Tài sản khác	52,37	58,40
<b>Tổng cộng</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

STT	Chỉ tiêu	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 30 tháng 6 năm 2020
1	Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VNĐ)	87.858.179.067	62.883.629.380
2	Tổng số chứng chỉ quỹ ("CCQ") đang lưu hành	7.880.109,35	5.991.123,80
3	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ	11.149,36	10.496,13
4	Giá trị tài sản ròng cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	11.149,36	10.496,13
5	Giá trị tài sản ròng thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	10.843,75	10.170,93
6	Giá cuối ngày trên 1 đơn vị quỹ tại ngày báo cáo (a)	Không áp dụng	Không áp dụng
7	Giá cuối ngày cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo (a)	Không áp dụng	Không áp dụng
8	Giá cuối ngày thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo (a)	Không áp dụng	Không áp dụng
9	Tổng tăng trưởng (%) / 1 đơn vị quỹ	2,89	3,22
9.1	Tăng trưởng vốn (%) / 1 đơn vị quỹ (Thay đổi do biến động giá) (b)	-0,01	0,18
9.2	Tăng trưởng thu nhập (%) / 1 đơn vị quỹ (Tính trên thu nhập đã thực hiện) (b)	2,90	3,04
10	Phân phối gộp trên 1 đơn vị quỹ (c)	Không áp dụng	Không áp dụng
11	Phân phối ròng trên 1 đơn vị quỹ (c)	Không áp dụng	Không áp dụng
12	Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution) (c)	Không áp dụng	Không áp dụng
13	Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	1,51	2,63
14	Tốc độ vòng quay danh mục (%)	32,83	6,56

(a) Chứng chỉ quỹ của Quỹ không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

(b) Phân phân tách tăng trưởng / 1 đơn vị quỹ thành tăng trưởng thu nhập / 1 đơn vị quỹ và tăng trưởng vốn / 1 đơn vị quỹ chỉ mang tính tương đối.

(c) Quỹ chưa áp dụng chính sách phân phối lợi nhuận.

3. Tăng trưởng qua các thời kỳ

Giai đoạn	Tăng trưởng của giá trị tài sản ròng của Quỹ trên một đơn vị quỹ (%)	Lợi nhuận tham chiếu của Quỹ (%)
6 tháng (từ 1/1/2021 đến 30/6/2021)	2,89	1,17
1 năm (từ 30/6/2020 đến 30/6/2021)	6,22	2,89
Từ khi thành lập	11,49	6,47
Từ khi thành lập (bình quân năm)	5,92	3,37

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

## BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

### II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

#### 4. Tăng trưởng hàng năm

Chỉ tiêu	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 (YTD) (%)	Năm 2020 (%)
Tăng trưởng của giá trị tài sản ròng của Quỹ /1 đơn vị quỹ	2,89	6,56

### III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ

#### 1. Kinh tế vĩ mô

Đà hồi phục của kinh tế Việt Nam, vốn được bắt đầu từ Quý 3/2020, đã tiếp tục được đẩy mạnh cho đến tháng 5/2021, trước khi giảm xuống trong tháng 6/2021 do ảnh hưởng của đợt bùng phát dịch Covid-19 được phát hiện vào cuối tháng 4, vốn là đợt bùng phát nghiêm trọng nhất từ trước đến nay và hiện vẫn chưa được khống chế. Kinh tế trong nước đã được hưởng lợi khi nhu cầu trên thế giới hồi phục mạnh mẽ, đặc biệt đến từ các nước đã đẩy nhanh tốc độ tiêm chủng vaccine Covid-19 như Mỹ và các nước Châu Âu, từ dòng vốn FDI cũng như tiêu dùng nội địa tăng mạnh. Trong khi đó lạm phát và tỷ giá cũng được kiểm soát tốt, cụ thể như sau:

- ▶ Tăng trưởng GDP đạt 6,6% trong quý 2 và 5,6% trong sáu tháng đầu năm (6T) bất chấp ảnh hưởng của hai đợt bùng phát dịch Covid-19 bắt đầu vào cuối tháng 1 và cuối tháng 4. Khu vực Công nghiệp và Xây dựng, vốn đóng góp 37,6% của GDP, vẫn là động lực tăng trưởng chính (+8,4%), chủ yếu nhờ tốc độ tăng trưởng vượt trội của Ngành Công nghiệp Chế biến Chế tạo (+13,8% trong quý 2 và +11,4% trong 6T). Khối Nông, Lâm, Ngư nghiệp cũng tăng trưởng khả quan, đạt 3,7% trong 6T, tốc độ tăng trưởng 6T cao nhất trong vòng 10 năm qua. Mặc dù các ngành liên quan đến du lịch vẫn trì trệ do ảnh hưởng của Covid-19, Khu vực Dịch vụ, khối ngành lớn nhất của nền kinh tế, cũng hồi phục tích cực, đạt tăng trưởng 4,0% trong 6T nhờ doanh số bán lẻ hồi phục (+3,6% sau khi trừ lạm phát trong 6T) và ngành tài chính, ngân hàng tăng mạnh (+9,3%).
- ▶ Xuất khẩu vẫn rất khả quan và đạt 158,3 tỷ USD, tương đương mức tăng trưởng 29,0%, khi các thị trường xuất khẩu lớn tiếp tục hồi phục mạnh, đặc biệt là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam là Hoa Kỳ. Nhập khẩu tăng với tốc độ cao hơn, 36,3%, đạt 159,3 tỷ USD. Điều này dẫn đến thâm hụt thương mại 1,0 tỷ USD trong sáu tháng đầu năm.
- ▶ Vốn FDI cấp phép mới và đăng ký bổ sung đạt 13,7 tỷ USD, tăng trưởng 12,4% so với cùng kỳ năm trước, mặc dù giá trị đang giảm trong các tháng gần đây. Trong khi đó vốn FDI giải ngân tiếp tục tăng trưởng qua các tháng, tăng 6,8% so với cùng kỳ và đạt 9,2 tỷ USD trong 6T.
- ▶ Mặc cho giá nhiên liệu và một số loại hàng hóa chủ chốt khác tăng mạnh trên thị trường quốc tế, lạm phát của Việt Nam vẫn ở trong tầm kiểm soát với CPI trung bình sáu tháng tăng 1,47% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu do giá thịt lợn, yếu tố chính dẫn đến nền CPI 6T năm trước tăng mạnh, đã giảm đáng kể trong 6T 2021. Ngoài ra, cầu tiêu dùng trong nước sụt giảm vì ảnh hưởng của đợt bùng phát dịch Covid-19, thể hiện qua doanh số bán lẻ giảm 6% so với cùng kỳ trong tháng 6, cũng đã hạn chế khả năng tăng giá của các nhà sản xuất, mặc dù chi phí sản xuất tăng.
- ▶ Đồng VND khá ổn định, chỉ tăng nhẹ về mặt giá trị so với đồng USD ở mức 0,4% trong sáu tháng đầu năm và 0,8% so với cùng kỳ năm trước.
- ▶ Tăng trưởng tín dụng tăng tốc trong quý 2 từ mức thấp trong quý 1 và đạt 5,7% tính đến ngày 23 tháng 6 năm 2021, cao hơn mức 3,3% trong cùng kỳ năm 2020 nhưng vẫn thấp hơn mức bình quân sáu tháng đầu năm trong giai đoạn năm (05) năm tính đến tháng 6 năm 2019 là 7,7%.



# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

## BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

### III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ (tiếp theo)

#### 2. Thị trường trái phiếu

##### 2.1 Trái phiếu Chính phủ

Trong nửa đầu năm 2021, Kho Bạc Nhà Nước phát hành 144,5 nghìn tỷ đồng Trái phiếu Chính phủ, hoàn thành 72% kế hoạch phát hành 6 tháng đầu năm và 41% kế hoạch cả năm 2021. Nhu cầu tăng mạnh trong Quý 2/2021, thể hiện rõ qua khối lượng dự thầu lên tới 334,7 nghìn tỷ đồng, so với mức dưới 200 nghìn tỷ đồng của các quý trước. Tuy nhiên, về cuối quý, cầu trái phiếu có dấu hiệu giảm dần với khối lượng dự thầu giảm xuống dưới 15 nghìn tỷ đồng/phiên từ mức đỉnh trung bình gần 35 nghìn tỷ đồng/phiên trong tháng 5/2021. Khối lượng phát hành cũng giảm mạnh trong nửa sau của tháng 6/2021, với tỉ lệ Phát hành/Gọi thầu chỉ đạt 51,3%, so với mức 83,9% bình quân của cả quý.

Các tín hiệu về lãi suất đã chạm đáy đã dịch chuyển cầu trái phiếu khỏi các kỳ hạn siêu dài hướng tới các kỳ hạn ngắn. Tỉ lệ Dự thầu/Gọi thầu kỳ hạn 20-30 năm giảm từ 2,1 lần trong Quý 1/2021 xuống 1,6 lần trong Quý 2/2021, đồng thời tỉ lệ này của kỳ hạn 5-7 năm tăng từ 2,5 lần lên 3,0 lần. Tỉ trọng trái phiếu kỳ hạn 20-30 năm trong tổng khối lượng dự thầu và phát hành cũng giảm từ 11,3% và 14,3% trong Quý 1 xuống còn 5,7% và 5,5% trong Quý 2/2021. Kỳ hạn 10 năm và 15 năm tiếp tục chi phối thị trường sơ cấp, chiếm tới 81,5% khối lượng dự thầu và 84,8% khối lượng phát hành.

Sang nửa sau của năm 2021, lợi tức trái phiếu Chính phủ sẽ chịu ảnh hưởng của một số yếu tố:

- ▶ Ngân hàng Nhà nước có thể sẽ cấp thêm hạn mức tăng trưởng tín dụng cho các ngân hàng thương mại, theo đó thanh khoản của hệ thống ngân hàng sẽ giảm do các ngân hàng sẽ ngay lập tức giải ngân theo hạn mức tăng trưởng tín dụng mới.
- ▶ Khối lượng trái phiếu Chính phủ đến hạn thấp trong nửa cuối năm 2021 (46,5 nghìn tỷ so với gần 120 nghìn tỷ đến hạn trong nửa đầu năm 2021) sẽ hạn chế nhu cầu tái đầu tư.
- ▶ Giải ngân đầu tư công nhiều khả năng sẽ khó được đẩy mạnh như dự kiến do các đợt dịch bùng phát và kéo dài ở nhiều tỉnh thành, đặc biệt khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam.
- ▶ Lo ngại lạm phát tăng cao cũng như sự hồi phục chậm của nền kinh tế cũng sẽ ảnh hưởng tới yêu cầu về lợi tức trái phiếu.

Cân đối giữa cung và cầu trái phiếu Chính phủ trong quý tới, lợi tức dự kiến sẽ dao động trong biên độ hẹp.

##### 2.2 Trái phiếu Doanh nghiệp

Theo số liệu do VCBF tổng hợp, trong Quý 2/2021, 140,7 nghìn tỷ trái phiếu doanh nghiệp được phát hành riêng lẻ, gấp 3,7 lần khối lượng phát hành trong Quý 1/2021. Các thành viên thị trường đã quen thuộc hơn với các quy định mới về phát hành trái phiếu riêng lẻ và theo đó đẩy mạnh các đợt phát hành. Ngân hàng chiếm tỉ trọng lớn trong khối lượng phát hành với 49,1%. Các công ty bất động sản đứng thứ hai và các công ty năng lượng (chủ yếu năng lượng tái tạo) cũng chiếm tỉ trọng khá lớn trong tổng lượng phát hành.

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

## BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

### III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ (tiếp theo)

#### 3. Thị trường cổ phiếu

Sau khi đạt mức tăng trưởng vừa phải 7,9% trong quý 1 do ảnh hưởng của đợt bùng phát Covid thứ ba, thị trường chứng khoán đã bật tăng mạnh từ cuối tháng 3 và dễ dàng vượt đỉnh lịch sử 1.200 điểm vào đầu tháng 4. Kết thúc tháng 6 tại mức 1.409 điểm, thị trường đã ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng 18,2% trong quý 2, và là quý có kết quả tốt thứ bảy trong 10 năm qua. Đây cũng là quý thứ năm VNI có tăng trưởng dương, đánh dấu chu kỳ tăng giá dài thứ hai trong lịch sử với tổng mức tăng 112,6%. Chu kỳ tăng giá dài nhất kéo dài 10 quý, từ quý 4/2004 đến quý 1/2007 với tổng lợi nhuận 359,4%. Chu kỳ tăng giá gần đây nhất là từ quý 1/2017 đến quý 1/2018 và cũng kéo dài năm quý, nhưng tổng mức tăng trưởng trong giai đoạn này chỉ là 76,6%. Và như vậy, sau sáu tháng đầu năm 2021, VNI đã tăng 27,6%, cao hơn tất cả các thị trường trong khu vực Đông Nam Á cũng như thị trường Trung Quốc và Ấn Độ.

Sự tăng trưởng mạnh mẽ của VNI được cho là đến từ các yếu tố sau: (i) Đợt bùng phát Covid-19 thứ ba được kiểm soát nhanh chóng; (ii) Nền kinh tế phục hồi mạnh mẽ, lạm phát được kiểm soát; (iii) Tăng trưởng lợi nhuận rất ấn tượng của một số ngành, đặc biệt là Ngân hàng, ngành Vật liệu xây dựng và các công ty chứng khoán; và (iv) sự tham gia tích cực của khối nhà đầu tư cá nhân trong nước.

Giá trị giao dịch bình quân hàng ngày nhờ đó cũng tăng mạnh và đạt 1,1 tỷ USD trong quý 2 (+38,6% so với quý 1 và gấp 2,4 lần giá trị giao dịch bình quân trong năm 2020). Trong số các chỉ số chứng khoán khu vực, chỉ có VNI chứng kiến sự tăng trưởng về giá trị giao dịch bình quân hàng ngày trong quý 2 và trở thành chỉ số được giao dịch nhiều thứ 2 trong khu vực ASEAN, chỉ sau chỉ số SET của Thái Lan. Sau 6T 2021, tổng giá trị giao dịch toàn thị trường đạt xấp xỉ 118 tỷ USD, cao hơn 1,5 lần tổng giá trị giao dịch cả năm 2020. Thanh khoản thị trường được cải thiện đáng kể nhờ hoạt động tích cực của các nhà đầu tư cá nhân. Số lượng tài khoản giao dịch chứng khoán mở mới đã liên tục lập đỉnh cao mới và đạt 140.470 tài khoản trong tháng 6, nâng số lượng tài khoản mở mới trong 6 tháng lên 623.230 tài khoản, cao hơn 58% con số của cả năm 2020. Đến cuối tháng 6, tổng số lượng tài khoản của nhà đầu tư cá nhân đã vượt 3,3 triệu, chiếm 98,5% tổng số lượng tài khoản giao dịch chứng khoán tại Việt Nam. Đáng chú ý là các vấn đề về mặt kỹ thuật của HSX đã được giải quyết và một hệ thống giao dịch được phát triển bởi FPT cho HNX đã được tạm thời đưa vào vận hành cho HSX từ ngày 5 tháng 7 năm 2021 và có khả năng tăng số lượng lệnh xử lý từ 900.000 lệnh hiện tại của HSX lên 3-5 triệu lệnh/ngày. Sự tham gia tích cực của khối nhà đầu tư cá nhân trong nước đã giúp hấp thụ dòng vốn rút ra từ nhà đầu tư nước ngoài khi khối này bán ròng tới 1,3 tỷ USD chứng khoán Việt Nam trong 6T (Quý 1: - 687 triệu USD).

Theo phân loại GICS, 10 trong 11 ngành có tăng trưởng dương trong 6T 2021. Ngành Công nghệ Thông tin có mức tăng trưởng cao nhất, đạt 66,3%, nhờ mức tăng vượt trội 72,9% của Công ty Cổ phần FPT (FPT), công ty chiếm tỷ trọng chính trong ngành này, do công ty này liên tục duy trì được mức tăng trưởng lợi nhuận cao (~20% một năm). Ngành tài chính xếp thứ hai, tăng 44,6%, đóng góp tới 51,9% tổng lợi nhuận của VNIndex, hỗ trợ bởi mức tăng vượt trội của ngành ngân hàng khi ngành này ghi nhận mức tăng trưởng lợi nhuận đột biến, trung bình khoảng 76% so với cùng kỳ trong quý 1/2021, nhờ lãi suất biên được cải thiện và cắt giảm chi phí hoạt động. Ngành Nguyên vật liệu đứng thứ ba, tăng 43,7% do các công ty sản xuất thép trong ngành này được hưởng lợi từ giá thép tăng mạnh. Ngành Tiêu dùng thiết yếu là ngành duy nhất tăng trưởng âm trong 6T do cổ phiếu của hai công ty lớn trong ngành giảm giá, đó là Công ty Cổ phần Vinamilk (VNM, -15,1%) và Tổng công ty Rượu – Bia và Nước Giải khát Sài Gòn (SAB, -12,6%), đến từ kết quả kinh doanh gây thất vọng trong quý 1/2021.

Và do đó, trong 6T 2021, các cổ phiếu có vốn hoá lớn tăng trưởng tốt hơn với VN30 tăng 42,8% so với các cổ phiếu vừa (VN70 Index) tăng 33% và các cổ phiếu vốn hoá nhỏ (VN50 Index), tăng 29,5%. Tuy vậy, chỉ số của sàn HNX, vốn chủ yếu bao gồm các cổ phiếu vốn hoá vừa và nhỏ, tiếp tục tăng trưởng mạnh, đạt 59,1% trong 6T 2021, nhờ sự dẫn dắt của Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội (SHB, +85,7%) và Công ty Cổ phần Thaiholdings (THD, +42,8%).

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF**

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

**IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ**

**1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>1 năm đến thời điểm báo cáo (%)</i>	<i>Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)</i>
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị quỹ (a)	6,38	Không áp dụng
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị quỹ (a)	-0,16	Không áp dụng
Tăng trưởng hàng năm/1 đơn vị quỹ	6,22	5,92
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	Không áp dụng	Không áp dụng
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị quỹ	Không áp dụng	Không áp dụng

(a) Phần phân tách tăng trưởng/1 đơn vị quỹ thành tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị quỹ và tăng trưởng vốn/1 đơn vị quỹ chỉ mang tính tương đối.

Thay đổi giá trị tài sản ròng:

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020 VND</i>	<i>Tỷ lệ thay đổi (%)</i>
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	87.858.179.067	62.883.629.380	39,72
Giá trị tài sản ròng (NAV)/1 đơn vị quỹ	11.149,36	10.496,13	6,22



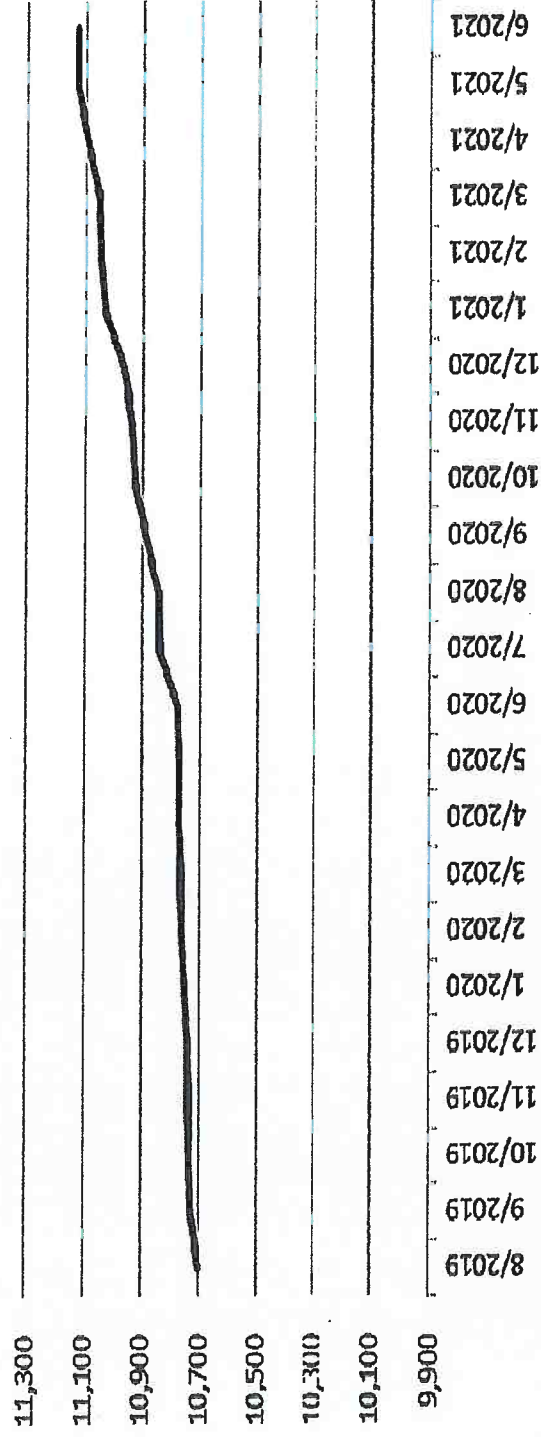
**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF**

**BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)**

**IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)**

**1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ (tiếp theo)**

Biểu đồ thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị quỹ hàng tháng của Quỹ:



**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF**

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

**IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)**

**2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021**

<i>Quy mô nắm giữ (chứng chỉ quỹ)</i>	<i>Số lượng nhà đầu tư nắm giữ</i>	<i>Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ</i>	<i>Tỷ lệ nắm giữ (%)</i>
Dưới 5.000	215	304.480,83	3,87
Từ 5.000 đến 10.000	25	178.263,00	2,26
Từ 10.000 đến 50.000	25	562.876,30	7,14
Từ 50.000 đến 500.000	14	1.834.489,22	23,28
Trên 500.000	1	5.000.000,00	63,45
<b>Tổng cộng</b>	<b>280</b>	<b>7.880.109,35</b>	<b>100,00</b>

**3. Chi phí ngảm và giảm giá: Không có**

**V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG**

Tăng trưởng GDP quý 2/2021 có vẻ khả quan với mức tăng 6,6% so với cùng kỳ. Tuy nhiên, phần lớn đóng góp là nhờ hiệu ứng nền so sánh thấp khi mức tăng trưởng của cùng kỳ năm ngoái ở mức rất thấp, chỉ đạt 0,36%. Để duy trì đà tăng trưởng trong những tháng còn lại của năm nay là rất thách thức khi nền so sánh của nửa cuối năm ngoái đã cao hơn và đặc biệt là khi Việt Nam hiện đang phải đối mặt với đợt bùng phát Covid-19 nghiêm trọng nhất kể từ khi đại dịch bùng phát. Số ca mắc mới hàng ngày vẫn tăng cao mặc dù các biện pháp giãn cách xã hội đã được áp dụng, cho thấy lực cản đối với nền kinh tế sẽ còn kéo dài ít nhất là đến hết quý 3 năm 2021.

Việt Nam đang bị tụt lại phía sau so với mức trung bình của thế giới trong cuộc đua tiêm chủng vắc xin Covid-19. Sự bùng phát gần đây là một hồi chuông cảnh tỉnh và có thể giúp đẩy nhanh việc triển khai vắc xin để đạt được miễn dịch cộng đồng – giải pháp hiệu quả và bền vững hơn để đưa cuộc sống trở lại bình thường. Gần đây, Chính phủ đã thay đổi mục tiêu tiêm chủng hàng loạt từ chỉ 20% dân số vào cuối năm 2021 vào đầu năm nay lên ít nhất 70% vào cuối năm hoặc đầu năm 2022.

Mặc dù tăng trưởng kinh tế nửa đầu năm thấp hơn dự kiến và còn nhiều khó khăn phía trước nhưng Chính phủ vẫn chưa đưa ra phương án điều chỉnh mục tiêu tăng trưởng cho năm 2021. Tuy vậy, cả hai kịch bản do Chính phủ đưa ra gần đây dự báo tăng trưởng kinh tế ở mức 6,5% và 6,0% đều cho thấy khó khả thi. Lý do là vì kịch bản tăng trưởng 6,5% giả định đợt bùng phát Covid 19 này sẽ được kiểm soát vào tháng 6, và kịch bản sau giả định vào tháng 7, và không có giãn cách xã hội trên phạm vi rộng. Tuy vậy, cho đến thời điểm này, cả hai giả định đó đều không thực tế. Và trong khi HSBC và Standard Chartered Bank, mặc dù đã hạ kỳ vọng tăng trưởng của Việt Nam, vẫn dự báo mức tăng trưởng trên 6% thì ADB và một số tổ chức trong nước đã hạ dự báo tăng trưởng của Việt Nam xuống dưới 6% cho năm 2021. Tuy vậy, chúng tôi cho rằng trọng tâm của Chính phủ sẽ vẫn không thay đổi với các giải pháp thúc đẩy tăng trưởng như đã nêu trong Nghị quyết số 63/NQ-CP. Chính sách tiền tệ cũng sẽ tiếp tục theo hướng mở rộng để hỗ trợ tăng trưởng, do lạm phát 6 tháng đầu năm cũng không đáng lo ngại. Mặc dù phải đối mặt với những thách thức ngắn hạn, nhưng triển vọng của Việt Nam trong năm 2021 vẫn khá quan trọng hơn so với nhiều quốc gia trong khu vực. Ngoài ra, triển vọng trung hạn vẫn rất tích cực.

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

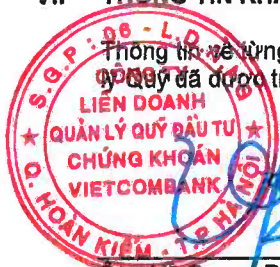
BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

## V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

Tăng trưởng của thị trường chứng khoán là rất ấn tượng trong 6 tháng đầu năm. Tuy nhiên, định giá cổ phiếu Việt Nam theo chỉ số giá/lợi nhuận vẫn tương đối hấp dẫn so với hầu hết các thị trường khác trong khu vực. Áp lực lên tăng trưởng lợi nhuận doanh nghiệp niêm yết trong nửa cuối năm 2021 là hiện hữu, một phần là do ảnh hưởng của đợt bùng phát Covid-19, một phần là do nền lợi nhuận cao hơn trong 6T 2020. Bên cạnh đó, tâm lý của các nhà đầu tư cá nhân, vốn là động lực chính thúc đẩy thị trường tăng điểm trong thời gian vừa qua, chắc chắn sẽ có nhiều biến động trong giai đoạn 6 tháng cuối năm khi nền kinh tế và các doanh nghiệp trải qua thời gian đầy thử thách này. Tuy nhiên, nhìn xa hơn, triển vọng năm 2022 sáng sủa hơn nhiều khi chương trình tiêm chủng lớn nhất trong lịch sử đã được khởi động sẽ tạo điều kiện mở cửa trở lại rộng rãi và bền vững hơn cho nền kinh tế trong nước, từ đó sẽ thúc đẩy niềm tin của doanh nghiệp và nhà đầu tư.

## VI. THÔNG TIN KHÁC

Thông tin về từng nhân sự điều hành quỹ, Ban Đại diện Quỹ và Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ đã được trình bày đầy đủ tại Bản cáo bạch của Quỹ.



Ông Vũ Quang Đông  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2021



## BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu VCBF ("Quỹ") cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- a) Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021, Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan.
- b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- c) Phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- d) Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

### ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



Bùi Thị Huyền Trang

Phó phòng Dịch vụ Quản trị và Giám sát Quỹ

### NHÂN VIÊN GIÁM SÁT

Vũ Minh Hiền

Nhân viên bộ phận Giám sát

Số tham chiếu: 61536595/22722438-SX

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các nhà đầu tư của Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF (“Quỹ”) được lập ngày 13 tháng 8 năm 2021 và được trình bày từ trang 16 đến trang 52, bao gồm báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ, báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo thu nhập giữa niên độ, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### ***Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ***

Ban Giám đốc của Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank là Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ và danh mục đầu tư giữa niên độ của Quý vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Nguyễn Phương Nga  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0763-2019-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2021

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ  
 cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

B01g-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VNĐ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 VNĐ
<b>01</b>	<b>I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		<b>2.995.445.169</b>	<b>2.769.022.656</b>
03	1.1 Tiền lãi được nhận	13	2.992.895.359	2.716.549.464
04	1.2 Lãi/(lỗ) bán các khoản đầu tư	14	44.938.028	(28.366.299)
05	1.3 Chênh lệch (giảm)/tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	(42.388.218)	80.839.491
<b>10</b>	<b>II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ</b>		<b>9.060.211</b>	<b>612.750</b>
11	2.1 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	15	2.560.211	612.750
15	2.2 Chi phí đầu tư khác		6.500.000	-
<b>20</b>	<b>III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ</b>		<b>616.580.014</b>	<b>812.558.454</b>
20.1	3.1 Phí quản lý Quỹ mở	23.1	41.151.070	276.917.065
20.2	3.2 Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở	16	108.923.580	101.615.764
20.3	3.3 Phí dịch vụ giám sát	23.2	118.800.000	111.100.000
20.4	3.4 Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở	23.2	118.800.000	99.000.000
20.5	3.5 Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng		66.000.000	66.000.000
20.7	3.6 Chi phí họp, đại hội Quỹ mở		20.936.873	19.288.240
20.8	3.7 Chi phí kiểm toán		72.003.288	72.203.279
20.10	3.8 Chi phí hoạt động khác	17	69.965.203	66.434.106
<b>23</b>	<b>IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		<b>2.369.804.944</b>	<b>1.955.851.452</b>
<b>24</b>	<b>V. KẾT QUẢ THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>30</b>	<b>VI. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ</b>		<b>2.369.804.944</b>	<b>1.955.851.452</b>
31	6.1 Lợi nhuận đã thực hiện		2.412.193.162	1.875.011.961
32	6.2 (Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện	5	(42.388.218)	80.839.491
<b>40</b>	<b>VII. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>41</b>	<b>VIII. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN</b>		<b>2.369.804.944</b>	<b>1.955.851.452</b>

Bà Trần Thị Hà Linh  
 Trưởng phòng - Khối điều hành và dịch vụ

Ông Vũ Quang Đông  
 Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Mai Hoa  
 Người lập biểu

Bà Nguyễn Băng Tâm  
 Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2021

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

B02g-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
<b>100</b>	<b>I. TÀI SẢN</b>			
<b>110</b>	<b>1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>20.084.678.928</b>	<b>7.781.150.217</b>
111	1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở		1.518.638.680	4.775.539.258
112	1.2 Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng		18.566.040.248	3.005.610.959
<b>120</b>	<b>2. Các khoản đầu tư thuần</b>		<b>65.002.166.990</b>	<b>65.067.923.368</b>
121	2.1 Các khoản đầu tư	5	65.002.166.990	65.067.923.368
<b>130</b>	<b>3. Các khoản phải thu</b>		<b>3.095.163.161</b>	<b>3.435.651.007</b>
133	3.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		3.095.163.161	3.435.651.007
136	3.1.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	6	3.095.163.161	3.435.651.007
<b>100</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>88.182.009.079</b>	<b>76.284.724.592</b>
<b>300</b>	<b>II. NỢ PHẢI TRẢ</b>			
313	1. Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ	7	14.259.208	8.609.375
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		5.322.933	334.942
316	3. Chi phí phải trả	8	99.003.288	145.200.000
317	4. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	9	76.000.000	81.939.777
318	5. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ		48.342.756	-
319	6. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	10	75.942.923	75.182.793
320	7. Phải trả, phải nộp khác		4.958.904	-
<b>300</b>	<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>323.830.012</b>	<b>311.266.887</b>
<b>400</b>	<b>III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NẤM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ</b>		<b>87.858.179.067</b>	<b>75.973.457.705</b>
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư		78.801.093.500	70.112.037.000
412	1.1 Vốn góp phát hành	11	87.808.539.900	74.319.523.100
413	1.2 Vốn góp mua lại	11	(9.007.446.400)	(4.207.486.100)
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư	11	1.489.416.319	663.556.401
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	12	7.567.669.248	5.197.864.304
<b>430</b>	<b>IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 CHỨNG CHỈ QUỸ</b>	<b>11</b>	<b>11.149,36</b>	<b>10.836,00</b>

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

B02g-QM

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
004	1. Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	19	7.880.109,35	7.011.203,70

Bà Trần Thị Hà Linh  
Trưởng phòng - Khối điều hành và dịch vụ



Ông Vũ Quang Đông  
Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Mai Hoa  
Người lập biểu

Bà Nguyễn Băng Tâm  
Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2021

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ  
 GIỮA NIÊN ĐỘ  
 cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

B03g-QM

STT	CHỈ TIÊU	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VNĐ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 VNĐ
I	<b>Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở ("NAV") đầu kỳ</b>	<b>75.973.457.705</b>	<b>60.285.492.960</b>
II	<b>Thay đổi NAV trong kỳ</b>	<b>2.369.804.944</b>	<b>1.955.851.452</b>
II.1	<i>Trong đó:</i> - Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ trong kỳ	2.369.804.944	1.955.851.452
III	<b>Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ</b>	<b>9.514.916.418</b>	<b>642.284.968</b>
III.1	<i>Trong đó:</i> - Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ	14.790.383.068	2.355.717.847
III.2	- Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ quỹ	(5.275.466.650)	(1.713.432.879)
IV	<b>Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở cuối kỳ</b>	<b>87.858.179.067</b>	<b>62.883.629.380</b>



Bà Trần Thị Hà Linh  
 Trưởng phòng - Khối điều hành và dịch vụ



Ông Vũ Quang Đông  
 Tổng Giám đốc



Bà Nguyễn Mai Hoa  
 Người lập biểu



Bà Nguyễn Băng Tâm  
 Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam


Ngày 13 tháng 8 năm 2021


Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ GIỮA NIÊN ĐỘ  
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

B04g-QM

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 VNĐ	Tổng giá trị VNĐ	Tỷ lệ trên tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (%)
<b>I</b>	<b>Trái phiếu</b>			<b>42.002.166.990</b>	<b>47,63%</b>
1	Trái phiếu niêm yết			33.674.236.805	38,19%
1.1	- MSN11906	140.000	102.076,301	14.290.682.140	16,21%
1.2	- VHM11801	110.000	100.112,208	11.012.342.880	12,49%
1.3	- HDG121001	82.960	100.906,603	8.371.211.785	9,49%
2	Trái phiếu chưa niêm yết			8.327.930.185	9,44%
2.1	- Trái phiếu Tập đoàn Vingroup - Công ty CP	13.255	100.183,341	1.327.930.185	1,50%
2.2	- Trái phiếu Công ty CP Chứng khoán Rồng Việt	7.000	1.000.000	7.000.000.000	7,94%
<b>II</b>	<b>Các tài sản khác</b>			<b>3.095.163.161</b>	<b>3,51%</b>
1	Dự thu lãi trái phiếu			1.171.621.616	1,32%
2	Dự thu lãi chứng chỉ tiền gửi			1.909.712.329	2,17%
3	Dự thu lãi tiền gửi			13.829.216	0,02%
<b>III</b>	<b>Tiền</b>			<b>43.084.678.928</b>	<b>48,86%</b>
1	Tiền gửi ngân hàng			23.084.678.928	26,18%
1.1	- Tiền gửi thanh toán			1.518.638.680	1,72%
1.2	- Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng			18.566.040.248	21,05%
1.3	- Tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng			3.000.000.000	3,40%
2	Chứng chỉ tiền gửi			20.000.000.000	22,68%
<b>IV</b>	<b>Tổng giá trị danh mục</b>			<b>88.182.009.079</b>	<b>100,00%</b>

  
 Bà Trần Thị Hà Linh  
 Trưởng phòng - Khối điều hành và dịch vụ

  
 Ông Vũ Quang Đông  
 Tổng Giám đốc

  
 Bà Nguyễn Mai Hoa  
 Người lập biểu

  
 Bà Nguyễn Băng Tâm  
 Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2021

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

B05g-QM

<b>Mã số</b>	<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND</b>	<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 VND</b>
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
<b>01</b>	<b>1. Lợi nhuận trước thuế TNDN</b>		<b>2.369.804.944</b>	<b>1.955.851.452</b>
<b>02</b>	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản giảm giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư</b>		<b>(25.849.590)</b>	<b>(90.214.901)</b>
	<i>Trong đó:</i>			
03	Lỗ/(lãi) đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	42.388.218	(80.839.491)
04	Chi phí trích trước		(68.237.808)	(9.375.410)
<b>05</b>	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>2.343.955.354</b>	<b>1.865.636.551</b>
20	Giảm/(tăng) các khoản đầu tư		23.368.160	(2.027.044.660)
07	Giảm/(tăng) dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		340.487.846	(511.920.361)
11	Tăng/(giảm) phải trả các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ		5.649.833	(2.311.819)
13	Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		4.987.991	3.981.003
14	(Giảm)/tăng phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ		(5.939.777)	9.000.000
15	Tăng phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ		48.342.756	-
16	Tăng phải trả, phải nộp khác		27.000.000	27.000.000
17	Tăng phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở		760.130	34.385.485
<b>19</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư</b>		<b>2.788.612.293</b>	<b>(601.273.801)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ	11	14.790.383.068	2.355.717.847
32	2. Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ	11	(5.275.466.650)	(1.713.432.879)
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>9.514.916.418</b>	<b>642.284.968</b>
<b>40</b>	<b>III. Tăng tiền thuần trong kỳ</b>		<b>12.303.528.711</b>	<b>41.011.167</b>

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

B05g-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VNĐ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 VNĐ
50	<b>IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>4</b>	<b>7.781.150.217</b>	<b>6.971.113.637</b>
51	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:		7.781.150.217	6.971.113.637
52	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ mở		7.699.210.440	6.864.113.637
	Trong đó:			
	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới ba (3) tháng		3.005.610.959	6.673.864.751
	Tiền gửi không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ		4.693.599.481	190.248.886
53	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ		81.939.777	107.000.000
55	<b>V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>4</b>	<b>20.084.678.928</b>	<b>7.012.124.804</b>
56	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:		20.084.678.928	7.012.124.804
57	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ mở		18.801.678.928	6.896.124.804
	Trong đó:			
	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới ba (3) tháng		18.566.040.248	4.628.275.391
	Tiền gửi không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ		235.638.680	2.267.849.413
58	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ		1.283.000.000	116.000.000
60	<b>VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong kỳ</b>		<b>12.303.528.711</b>	<b>41.011.167</b>




Bà Trần Thị Hà Linh  
 Trưởng phòng - Khối điều hành và dịch vụ



Ông Vũ Quang Đông  
 Tổng Giám đốc



Bà Nguyễn Mai Hoa  
 Người lập biểu



Bà Nguyễn Băng Tâm  
 Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2021



# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

B06g-QM

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

### 1.1 Thông tin về Quỹ

#### Quỹ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 24/GCN-UBCK ngày 10 tháng 5 năm 2019 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 40/GCN-UBCK ngày 9 tháng 8 năm 2019 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ").

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank, Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

#### Ngân hàng Giám sát và Lưu ký

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ là Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam). Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

#### Công ty Quản lý Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 06/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 2 tháng 12 năm 2005, và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

### 1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ

#### Quy mô vốn

Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 5.658.181,28 chứng chỉ với tổng giá trị là 56.581.812.800 đồng, chiếm 113,16% tổng số chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 5.000.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VNĐ/đơn vị quỹ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 78.801.093.500 đồng, tương đương với 7.880.109,35 chứng chỉ quỹ.

#### Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư chính của Quỹ là bảo toàn vốn ban đầu và mang lại thu nhập thường xuyên bằng cách đầu tư vào các tài sản cho thu nhập cố định. Tài sản cho thu nhập cố định của Quỹ sẽ chủ yếu bao gồm trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu được bảo lãnh của Chính phủ và trái phiếu doanh nghiệp. Trong trường hợp mỗi trường đầu tư tạm thời không phù hợp với các tài sản cố định nêu trên thì Quỹ có thể đầu tư vào các tài sản cho thu nhập cố định khác. Việc điều chỉnh mục tiêu đầu tư của Quỹ cần phải được nhà đầu tư biểu quyết thông qua theo quy định tại Điều lệ Quỹ, và nếu được chấp thuận, các điều chỉnh này sẽ được cập nhật vào Bản cáo bạch của Quỹ.

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

B06g-QM

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

### 1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

#### Chiến lược đầu tư

Quỹ sẽ tuân thủ một chiến lược đầu tư có kỷ luật nhằm tạo dòng thu nhập đều đặn. Quỹ sẽ duy trì một danh mục đầu tư đa dạng gồm các tài sản có thu nhập cố định chủ yếu là trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được bảo lãnh bởi Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương và trái phiếu doanh nghiệp có chất lượng tín dụng cao. Dựa trên nhận định của Công ty Quản lý Quỹ về tình hình kinh tế vĩ mô và xu hướng lãi suất, tài sản của quỹ sẽ được phân bổ nhằm đạt được mục tiêu của Quỹ.

#### Kỳ tính giá trị tài sản ròng ("NAV")

NAV của Quỹ phải được xác định hàng tuần vào Ngày Giao Dịch hoặc những ngày mà NAV của Quỹ được xác định cho mục đích báo cáo (tuần, tháng, quý, năm) hoặc các mục đích khác.

#### Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ

Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ là định kỳ vào ngày thứ Tư hàng tuần nếu ngày đó là ngày làm việc. Nếu ngày thứ Tư không phải là ngày làm việc thì ngày giao dịch sẽ là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó. Trong trường hợp ngày làm việc tiếp theo là ngày thứ Ba thì ngày giao dịch sẽ là ngày thứ Tư của tuần đó.

#### Hạn chế đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được đa dạng hóa và đáp ứng được các điều kiện của Pháp Luật. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc và các hạn mức đầu tư sau:

- a) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- b) Không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) dưới đây của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ:
  - i. Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
  - ii. Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
- c) Không được đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản dưới đây được phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ. Trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh tính bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định tại phụ lục số 14 ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC hướng dẫn về hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán:
  - i. Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
  - ii. Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
  - iii. Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

B06g-QM

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

### 1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

#### Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

- iv. Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành. Việc đầu tư vào các tài sản này phải được Ban Đại Diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện; và có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
- v. Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ;
- d) Không được đầu tư quá 10% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tài sản là cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành;
- e) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- f) Không được đầu tư vào Chứng Chỉ Quỹ của Quỹ VCBF - FIF;
- g) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
  - i. Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
  - ii. Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
  - iii. Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- h) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;
- i) Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt.

Cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư đã quy định tại Khoản (a), (b), (c), (d), và (g) nêu trên và chỉ do các nguyên nhân sau:

- a) Biến động giá trên thị trường của các tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ;
- b) Thực hiện các khoản thanh toán của quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
- c) Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
- d) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà mà thời gian hoạt động chưa quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh; hoặc
- e) Quỹ đang trong thời gian giải thể.

Trong trường hợp xảy ra sai lệch so với các hạn mức đầu tư vì các lý do quy định tại điểm (a), (b), (c), (d) nêu trên, Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư để đáp ứng các hạn mức đầu tư như được quy định trong vòng 3 (ba) tháng kể từ ngày có sai lệch phát sinh.

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

B06g-QM

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

### 1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

#### Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

Trong trường hợp sai lệch phát sinh vì Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn mức đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Quỹ hoặc Bản Cáo Bạch, Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày phát hiện ra sai lệch, Công ty Quản lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi lợi nhuận đã có được cho Quỹ.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện, kết quả khắc phục.

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 2.1. Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ được lập theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở được quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ("Thông tư 198") ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 98/2020/TT-BTC ("Thông tư 98") ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (thay thế Thông tư số 183/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 12 năm 2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở, Thông tư số 15/2016/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 1 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 183/2011/TT-BTC) và Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục do Bộ Tài chính ban hành.

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở giá gốc, ngoại trừ các khoản đầu tư được đo lường theo giá trị hợp lý (*Thuyết minh 3.3*).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa, không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, danh mục đầu tư giữa niên độ, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Theo Thông tư 198, báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập giữa niên độ
2. Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ
4. Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ
6. Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ

### 2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký Chung.

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

B08g-QM

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Quỹ áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Quỹ cũng lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 để nộp cho các cơ quan chức năng theo yêu cầu của Thông tư 198 và Thông tư số 96/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020.

### 2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Quỹ là đồng Việt Nam ("VNĐ").

### 2.5 Cam kết tuân thủ

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 3.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở yêu cầu Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### 3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ, tiền gửi của Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ chờ phân bổ, tiền gửi phong tỏa và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng có thời hạn đáo hạn không quá ba (3) tháng kể từ ngày gửi và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chỉ tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là mục đích khác.

### 3.3 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ bao gồm các khoản đầu tư vào các trái phiếu niêm yết, trái phiếu chưa niêm yết, tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng và chứng chỉ tiền gửi.

#### *Nguyên tắc phân loại*

Quỹ phân loại chứng khoán niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

B06g-QM

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

### 3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

#### Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua mà không bao gồm các chi phí liên quan phát sinh để có được các khoản đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi ngân hàng, giá mua chưa bao gồm lãi dự thu (giá sạch) được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư". Phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận trên khoản mục "Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận" trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

#### Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư" trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ theo nguyên tắc như sau:

- ▶ Chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng được ghi nhận theo giá trị hợp lý;
- ▶ Chứng khoán niêm yết, chưa niêm yết và các tài sản khác được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản này.

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập giữa niên độ.

Các khoản lãi lũy kế chưa thanh toán của các khoản tiền gửi, tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ nợ khác được ghi nhận tại khoản mục "Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư" trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

#### Định giá lại cho mục đích tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Sổ tay Định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại Điều lệ Quỹ và Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và được Ban Đại diện Quỹ và Ngân hàng Giám sát phê duyệt. Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập giữa niên độ theo quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở.

#### Nguyên tắc định giá

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ</b>		
1.	Tiền (VND)	Số dư tiền mặt tại ngày trước Ngày Định Giá.
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối, nơi ngoại tệ của Quỹ đang được gửi, tại ngày trước Ngày Định Giá.
3.	Tiền gửi kỳ hạn	Tiền gốc cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước Ngày Định Giá.

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

B06g-QM

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**

*Nguyên tắc định giá (tiếp theo)*

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ (tiếp theo)</b>		
4.	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá.
5.	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	<p>Giá thị trường là giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán;</p> <p>Trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào thời gian nắm giữ công cụ và lãi suất chiết khấu là một trong các mức lãi suất sau đây theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lãi suất trúng thầu; hoặc</li> <li>- Lãi suất khác do Ban Đại Diện Quỹ quy định.</li> </ul>
<b>Trái phiếu</b>		
6.	Trái phiếu niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá thị trường là giá yết bình quân gia quyền (giá sạch - clean price) trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán (hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá cộng lãi lũy kế;</li> <li>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá (không tính bao gồm Ngày Định Giá); hoặc không có giao dịch nào từ ngày có quyết định niêm yết đến Ngày Định Giá; hoặc giá trái phiếu có biến động bất thường như quy định dưới đây, là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giá yết bình quân gia quyền (giá sạch - clean price) trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán, không có biến động bất thường như quy định dưới đây, tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá nhưng không quá sáu mươi (60) ngày tính đến Ngày Định Giá (không tính bao gồm Ngày Định Giá) cộng lãi lũy kế; hoặc</li> <li>+ Giá yết (giá sạch - clean price) (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi lũy kế; hoặc;</li> <li>+ Giá xác định theo phương pháp Chiết khấu dòng tiền (discounted cash flow) áp dụng đối với trái phiếu có thời hạn nắm giữ còn lại trên một (01) năm cộng lãi lũy kế; hoặc</li> <li>+ Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc</li> <li>+ Mệnh giá cộng lãi lũy kế.</li> </ul> </li> </ul>

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

B06g-QM

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**

*Nguyên tắc định giá (tiếp theo)*

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
<b>Trái phiếu (tiếp theo)</b>		
6.	Trái phiếu niêm yết (tiếp theo)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp trái phiếu hủy niêm yết để làm thủ tục đáo hạn, giá tính theo phương pháp mệnh giá cộng lãi lũy kế.</li> <li>- Giá trái phiếu được xem là có biến động bất thường nếu thuộc một trong các trường hợp dưới đây:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giá yết bình quân gia quyền (giá sạch - clean price) trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán có biến động hơn +/- 3% khi so sánh với giá yết (giá sạch - clean price) (nếu có) trên các hệ thống báo giá của cùng ngày giao dịch.</li> <li>+ Giá yết bình quân gia quyền (giá sạch - clean price) trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán có biến động hơn +/- 3% khi so sánh với giá của kỳ báo cáo gần nhất.</li> </ul> </li> </ul>
7.	Trái phiếu không niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá yết (giá sạch - clean price) (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi lũy kế; hoặc</li> <li>- Giá xác định theo phương pháp Chiết khấu dòng tiền (discounted cash flow) áp dụng đối với trái phiếu có thời hạn nắm giữ còn lại trên một (01) năm cộng lãi lũy kế; hoặc</li> <li>- Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc</li> <li>- Mệnh giá cộng lãi lũy kế;</li> <li>- Trường hợp trái phiếu chính phủ/ trái phiếu chính phủ bảo lãnh/ trái phiếu chính quyền địa phương đấu thầu đang chờ niêm yết, giá tính theo phương pháp giá mua cộng lãi lũy kế.</li> </ul>
<b>Cổ phiếu</b>		
8.	Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá thị trường là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá;</li> <li>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá (không tính bao gồm Ngày Định Giá); hoặc không có giao dịch nào từ ngày có quyết định niêm yết đến Ngày Định Giá, là một trong các mức giá sau:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá chín mươi (90) ngày tính đến Ngày Định Giá (không tính bao gồm Ngày Định Giá); hoặc</li> <li>+ Giá xác định theo phương pháp chỉ số định giá so sánh; hoặc</li> </ul> </li> </ul>



**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

B06g-QM

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**

*Nguyên tắc định giá (tiếp theo)*

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
<b>Cổ phiếu (tiếp theo)</b>		
8.	Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch (tiếp theo)	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giá mua; hoặc</li> <li>+ Giá trị sổ sách.</li> <li>- Trong thời gian chứng khoán đang làm thủ tục chuyển sàn thì dùng giá của ngày có giao dịch gần nhất trên sàn cũ.</li> </ul>
9.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	<p>Là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá xác định theo phương pháp chỉ số định giá so sánh; hoặc</li> <li>- Giá trị sổ sách; hoặc</li> <li>- Mệnh giá.</li> </ul>
10.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	<p>Là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 80% (tám mươi phần trăm) giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước Ngày Định Giá; hoặc</li> <li>- Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quý chấp thuận.</li> </ul>
11.	Cổ phần, phần vốn góp khác (bao gồm cả cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng đang chờ làm thủ tục niêm yết)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá dựa trên báo giá của ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan của VCBF.</li> <li>- Trường hợp không có đủ báo giá của ba (03) tổ chức báo giá, sử dụng một trong các phương pháp sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá chín mươi (90) ngày tính đến Ngày Định Giá (không tính bao gồm Ngày Định Giá); hoặc</li> <li>+ Giá xác định theo phương pháp chỉ số định giá so sánh; hoặc</li> <li>+ Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc</li> <li>+ Giá trị sổ sách.</li> </ul> </li> </ul>
12.	Quyền mua cổ phiếu	<p>Giá trị quyền mua = Max {0; (Giá cổ phiếu – giá phát hành cổ phiếu mới) x tỷ lệ thực hiện quyền}</p> <p>Trong đó: Tỷ lệ thực hiện quyền = Số cổ phiếu được mua / Số lượng quyền mua sở hữu</p>

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

B08g-QM

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**

*Nguyên tắc định giá (tiếp theo)*

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
<b>Chứng khoán phái sinh</b>		
13.	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.
14.	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá (không tính bao gồm Ngày Định Giá)	Giá xác định theo phương pháp được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
<b>Các tài sản khác</b>		
15.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo một trong các phương pháp sau: - Giá mua cộng lãi lụy kế (nếu có) - Phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận

**Chấm dứt ghi nhận**

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quý đã không còn nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Lãi/(lỗ) từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tại ngày giao dịch.

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

B06g-QM

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

### 3.4 *Giá trị tài sản ròng và giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ*

Giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày định giá được xác định bằng tổng giá trị các tài sản do Quỹ sở hữu trừ đi tổng nợ phải trả có liên quan (như giá dịch vụ quản lý, giá dịch vụ giám sát, giá dịch vụ lưu ký, giá dịch vụ quản trị quỹ, giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các khoản phải trả khác) tính đến ngày trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá và được làm tròn xuống đến hai (2) số thập phân.

### 3.5 *Các giao dịch về vốn và thặng dư vốn*

#### 3.5.1 *Vốn chủ sở hữu*

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại.

Vốn góp phát hành phản ánh số vốn nhà đầu tư góp ban đầu và góp bổ sung. Khi Công ty Quản lý Quỹ nhận được kết quả giải tòa phong tỏa về số tiền thu hợp lệ khoản góp vốn đầu tư và kết quả xác nhận vốn góp nhà đầu tư hợp lệ của đại lý chuyển nhượng (trường hợp phát hành lần đầu); giấy báo có của Ngân hàng Giám sát kèm bảng phân bổ tiền thu bán chứng chỉ quỹ về số tiền thu hợp lệ của các nhà đầu tư (trường hợp phát hành các lần tiếp theo), Công ty Quản lý Quỹ sử dụng để làm căn cứ ghi nhận vốn góp phát hành.

Vốn góp mua lại phản ánh việc mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư. Căn cứ vào xác nhận của đại lý chuyển nhượng kèm bảng tổng hợp các lệnh mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ ghi nhận vốn góp mua lại.

Chênh lệch giữa vốn góp phát hành và vốn góp mua lại chính là vốn góp của nhà đầu tư.

Thặng dư vốn bao gồm: thặng dư vốn phát hành và thặng dư vốn mua lại.

- ▶ Thặng dư vốn phát hành là chênh lệch giữa giá phát hành chứng chỉ quỹ và mệnh giá.
- ▶ Thặng dư vốn mua lại là chênh lệch giữa giá mua lại chứng chỉ quỹ và mệnh giá.

#### 3.5.2 *Lợi nhuận chưa phân phối*

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lãi/lỗ chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu với tổng các khoản chi phí của Quỹ lũy kế phát sinh trong kỳ.

Lợi nhuận chưa thực hiện là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi và lỗ đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ lũy kế phát sinh trong kỳ.

Cuối kỳ kế toán, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong kỳ và ghi nhận vào "*Lợi nhuận chưa phân phối*".

#### 3.5.3 *Lợi nhuận/Tài sản phân phối cho nhà đầu tư*

Khoản mục này phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối trong kỳ cho nhà đầu tư và việc kết chuyển số lợi nhuận đã phân phối sang tài khoản "*Lợi nhuận chưa phân phối*" vào cuối kỳ.

Quỹ mở ghi nhận lợi nhuận/tài sản phân phối cho nhà đầu tư theo Bản cáo bạch, Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được ủy quyền (ở kỳ gần nhất), Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ mở và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

B06g-QM

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

### 3.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ bán các khoản đầu tư, cổ tức, tiền lãi từ các khoản đầu tư và các khoản phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập trong kỳ. Trong đó, dự phòng liên quan đến phải thu bán chứng khoán được ghi nhận làm tăng chi phí trong kỳ, dự phòng liên quan đến cổ tức, trái tức và lãi tiền gửi được ghi nhận làm giảm thu nhập trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

### 3.7 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá gốc của các khoản phải trả cho hoạt động mua, bán chứng chỉ quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban Đại diện Quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát và các khoản phải trả khác.

### 3.8 Các khoản chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Quỹ phát sinh một số chi phí chủ yếu như sau:

#### 3.8.1 Giá dịch vụ quản lý danh mục đầu tư

Giá dịch vụ quản lý danh mục đầu tư bao gồm Giá dịch vụ quản lý quỹ, Giá dịch vụ quản trị quỹ và Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng. Theo quy định của Thông tư số 128/2018/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2018 thì Giá dịch vụ quản lý danh mục đầu tư mà Quỹ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ tối đa là 2% giá trị tài sản ròng ("NAV") của Quỹ.

##### (i) Giá dịch vụ quản lý quỹ

Giá dịch vụ quản lý quỹ hàng năm tối đa sẽ là 0,9% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ, được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ. Mức giá dịch vụ quản lý quỹ cụ thể sẽ được VCBF công bố tùy theo từng thời điểm trên website của mình.

##### (ii) Giá dịch vụ quản trị quỹ

Giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,04% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ, với mức tối thiểu là 18.000.000 đồng một tháng và được miễn áp dụng trong giai đoạn sáu (6) tháng đầu tiên kể từ ngày Điều lệ Quỹ có hiệu lực. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ quản trị quỹ được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ.

##### (iii) Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng là 10.000.000 đồng một tháng. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho đại lý chuyển nhượng.

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

B06g-QM

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

### 3.8 Các khoản chi phí (tiếp theo)

#### 3.8.2 Giá dịch vụ giám sát

Giá dịch vụ giám sát là 0,04% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quý, với mức tối thiểu là 18.000.000 đồng một tháng. Đối với giai đoạn sáu (6) tháng đầu tiên kể từ ngày Điều lệ Quý có hiệu lực, mức tối thiểu áp dụng là 11.000.000 đồng một tháng. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ giám sát được ghi nhận vào chi phí của Quý tại mỗi kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát.

#### 3.8.3 Giá dịch vụ lưu ký

Giá dịch vụ lưu ký là 0,04% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quý với mức tối thiểu là 18.000.000 đồng một tháng. Đối với giai đoạn sáu (6) tháng đầu tiên kể từ ngày Điều lệ Quý có hiệu lực, mức tối thiểu áp dụng là 11.000.000 đồng một tháng. Giá dịch vụ trên không bao gồm các phí lưu ký phải thanh toán cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, chi phí giao dịch và đăng ký chứng khoán... Giá dịch vụ lưu ký được ghi nhận vào chi phí của Quý tại mỗi kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát.

#### 3.8.4 Giá dịch vụ giao dịch chứng khoán

Quý có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ giao dịch chứng khoán là 220.000 VNĐ/ trên mỗi giao dịch.

### 3.9 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quý có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

#### Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản cổ tức của Quý với tư cách là nhà đầu tư được xác lập.

Nhận cổ tức bằng cổ phiếu, Quý chỉ ghi nhận số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu được nhận.

#### Tiền lãi (bao gồm lãi tiền gửi, lãi chứng chỉ tiền gửi và lãi trái phiếu)

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

#### Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập giữa niên độ khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch chứng khoán đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

B06g-QM

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

### 3.10 Thuế

Theo các quy định hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

#### *Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư*

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 100/2004/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2004, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế, Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính, Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư.

Theo đó, khi Quỹ trả cổ tức cho các nhà đầu tư là tổ chức, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% số cổ tức được chi trả (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật). Đồng thời, khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư là cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% số cổ tức được chi trả.

#### *Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ*

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo quy định về quản lý ngoại hối. Mức thuế áp dụng là thuế cho việc chuyển nhượng chứng khoán bằng 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015, Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 và các thông tư sửa đổi, bổ sung do Bộ Tài chính ban hành.

Công ty Quản lý Quỹ không giữ lại tiền thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước do đó tổ chức trong nước tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập phát sinh từ giao dịch mua lại này.

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

B06g-QM

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

### 3.11 Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các Quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ, các cổ đông của Công ty Quản lý Quỹ, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban Đại diện Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được xem là các bên liên quan với Quỹ. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không chỉ là hình thức pháp lý.

### 3.12 Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ theo định nghĩa trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở trình bày trong thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính giữa niên độ này.

### 3.13 Công cụ tài chính

*Công cụ tài chính - Ghi nhận ban đầu và trình bày*

#### Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Quỹ quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Quỹ bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, chứng khoán niêm yết, chưa niêm yết, chứng chỉ tiền gửi và các khoản đầu tư khác, các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư, và các khoản phải thu khác.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, hoặc các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Quỹ xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá trừ các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Quỹ bao gồm các khoản phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, chi phí phải trả, phải trả cho nhà đầu tư về mua và mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở và các khoản phải trả, phải nộp khác.

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

B06g-QM

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

### 3.13 Công cụ tài chính (tiếp theo)

*Công cụ tài chính - Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại, Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo giá gốc.

*Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Quý có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

### 3.14 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về Chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở không được thể hiện trong báo cáo tài chính giữa niên độ này thì được hiểu là có số dư bằng không.

## 4. TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VNĐ
Tiền gửi tại Ngân hàng Giám sát và Lưu ký cho hoạt động của Quỹ mở	235.638.680	4.693.599.481
Tiền gửi của nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	1.283.000.000	81.939.777
Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng bằng VNĐ	18.566.040.248	3.005.610.959
	<b>20.084.678.928</b>	<b>7.781.150.217</b>



**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sau tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

B06g-QM

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ**

	Giá mua VNĐ	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý VNĐ	Chênh lệch đánh giá lại			Giá trị đánh giá lại VNĐ
			Chênh lệch tăng VNĐ	Chênh lệch giảm VNĐ	Chênh lệch tăng thuần VNĐ	
<b>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</b>						
Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết (a)	33.663.199.038	33.674.236.805	181.590.640	(170.552.873)	11.037.767	33.674.236.805
Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết (b)	8.328.198.028	8.327.930.185	-	(267.843)	(267.843)	8.327.930.185
Chứng chỉ tiền gửi (c)	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-	-	20.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-	-	3.000.000.000
	<b>64.991.397.066</b>	<b>65.002.166.990</b>	<b>181.590.640</b>	<b>(170.820.716)</b>	<b>10.769.924</b>	<b>65.002.166.990</b>
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>						
Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết	21.309.602.328	21.298.719.410	27.149.325	(38.032.243)	(10.882.918)	21.298.719.410
Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	6.509.530.815	6.573.571.875	64.041.060	-	64.041.060	6.573.571.875
Chứng chỉ tiền gửi	28.000.000.000	28.000.000.000	-	-	-	28.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng	9.195.632.083	9.195.632.083	-	-	-	9.195.632.083
	<b>65.014.765.226</b>	<b>65.067.923.368</b>	<b>91.190.385</b>	<b>(38.032.243)</b>	<b>53.158.142</b>	<b>65.067.923.368</b>

**Ảnh hưởng từ chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư vào báo cáo thu nhập giữa niên độ** **(42.388.218)**

- Trái phiếu do Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan, Công ty Cổ phần Vinhomes và Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô phát hành có kỳ hạn từ 2 năm đến 3 năm, lãi suất từ 8.775%/năm đến 10.25%/năm, lãi trả định kỳ 6 tháng/lần.
- Trái phiếu do Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần và Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt phát hành với kỳ hạn từ 1 năm đến 3 năm, lãi trả định kỳ hàng tháng hoặc hàng quý.
- Các chứng chỉ tiền gửi do Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng và Công ty Tài chính TNHH MTV Home Credit Việt Nam phát hành, kỳ hạn từ 2 năm đến 3 năm.

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

B06g-QM

**6. DỰ THU CÓ TỨC, TIỀN LÃI CHƯA ĐẾN NGÀY NHẬN**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VNĐ
Dự thu tiền lãi từ trái phiếu	1.171.621.616	962.719.179
Dự thu tiền lãi từ chứng chỉ tiền gửi	1.909.712.329	2.386.712.328
Dự thu tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn	13.829.216	86.219.500
	<b>3.095.163.161</b>	<b>3.435.651.007</b>

**7. PHẢI TRẢ CHO CÁC ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VNĐ
Phải trả cho các Đại lý phân phối	4.604.682	3.181.622
Phải trả Công ty Quản lý Quỹ	9.654.526	5.427.753
	<b>14.259.208</b>	<b>8.609.375</b>

**8. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VNĐ
Phí kiểm toán	72.003.288	145.200.000
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	27.000.000	-
	<b>99.003.288</b>	<b>145.200.000</b>

**9. PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA CHỨNG CHỈ QUỸ**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VNĐ
Phải trả cho nhà đầu tư về tiền mua chứng chỉ quỹ đang chờ hoàn thành giao dịch	<b>76.000.000</b>	<b>81.939.777</b>

**10. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ MỜ**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VNĐ
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ	7.122.923	6.362.793
Phải trả dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	18.000.000	18.000.000
Phải trả dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	220.000	220.000
Phải trả dịch vụ quản trị quỹ	19.800.000	19.800.000
Phải trả dịch vụ giám sát	19.800.000	19.800.000
Phải trả dịch vụ đại lý chuyển nhượng	11.000.000	11.000.000
	<b>75.942.923</b>	<b>75.182.793</b>

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

B06g-QM

**11. TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021		
	Số dư đầu kỳ VNĐ	Phát sinh trong kỳ VNĐ	Số dư cuối kỳ VNĐ
<b>Vốn góp phát hành</b>			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	7.431.952,31	1.348.901,68	8.780.853,99
Giá trị ghi theo mệnh giá	74.319.523.100	13.489.016.800	87.808.539.900
Thặng dư vốn	859.449.902	1.301.366.268	2.160.816.170
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	75.178.973.002	14.790.383.068	89.969.356.070
<b>Vốn góp mua lại</b>			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	(420.748,61)	(479.996,03)	(900.744,64)
Giá trị ghi theo mệnh giá	(4.207.486.100)	(4.799.960.300)	(9.007.446.400)
Thặng dư vốn	(195.893.501)	(475.506.350)	(671.399.851)
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	(4.403.379.601)	(5.275.466.650)	(9.678.846.251)
<b>Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành</b>	<b>7.011.203,70</b>	<b>868.905,65</b>	<b>7.880.109,35</b>
<b>Giá trị vốn góp hiện hành</b>	<b>70.775.593.401</b>	<b>9.514.916.418</b>	<b>80.290.509.819</b>
<b>Lợi nhuận chưa phân phối</b>	<b>5.197.864.304</b>	<b>2.369.804.944</b>	<b>7.567.669.248</b>
<b>Giá trị tài sản ròng của Quỹ</b>	<b>75.973.457.705</b>		<b>87.858.179.067</b>
<b>Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ</b>	<b>10.836,00</b>		<b>11.149,36</b>

**12. LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VNĐ
Lợi nhuận đã thực hiện	7.556.899.324	5.144.706.162
Lợi nhuận chưa thực hiện	10.769.924	53.158.142
	<b>7.567.669.248</b>	<b>5.197.864.304</b>

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

B06g-QM

13. TIỀN LÃI ĐƯỢC NHẬN

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VNĐ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 VNĐ
Tiền lãi từ trái phiếu	1.567.267.871	1.209.435.632
Tiền lãi từ chứng chỉ tiền gửi	1.007.520.549	1.304.205.479
Tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn	416.978.451	201.292.171
Tiền lãi từ tiền gửi không kỳ hạn	1.128.488	1.616.182
	<b>2.992.895.359</b>	<b>2.716.549.464</b>

14. LÃI/(LỖ) BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021		
	Tổng giá trị bán trong kỳ VNĐ	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VNĐ	Lợi nhuận bán chứng khoán trong kỳ VNĐ
Trái phiếu chưa niêm yết	6.778.852.405	6.733.914.377	44.938.028
Chứng chỉ tiền gửi	8.000.000.000	8.000.000.000	-
	<b>14.778.852.405</b>	<b>14.733.914.377</b>	<b>44.938.028</b>

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020		
	Tổng giá trị bán trong kỳ VNĐ	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VNĐ	Lợi nhuận bán chứng khoán trong kỳ VNĐ
Chứng chỉ tiền gửi	<b>7.000.000.000</b>	<b>7.028.366.299</b>	<b>(28.366.299)</b>

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

B06g-QM

**15. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VNĐ</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 VNĐ</i>
Chi phí giao dịch mua các khoản đầu tư	2.560.211	612.750
Chi phí đầu tư khác	6.500.000	-
	<b>9.060.211</b>	<b>612.750</b>

**16. PHÍ DỊCH VỤ LƯU KÝ TÀI SẢN QUỸ MỞ**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VNĐ</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 VNĐ</i>
Giá dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	108.000.000	101.000.000
Giá dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	660.000	440.000
Giá dịch vụ lưu ký cho chứng khoán cơ sở phải trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam	263.580	175.764
	<b>108.923.580</b>	<b>101.615.764</b>

**17. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VNĐ</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 VNĐ</i>
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	60.000.000	60.000.000
Phí quản lý thường niên trả Ủy ban	4.958.904	4.221.311
Chứng khoán Nhà nước	5.006.299	2.212.795
Phí ngân hàng	69.965.203	66.434.106

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

B06g-QM

18. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021:

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
<b>Kỳ cuối Tháng 12/2020</b>	<b>75.973.457.705</b>	<b>7.011.203,70</b>	<b>10.836,00</b>	
Kỳ 1 Tháng 1/2021	76.027.767.475	7.011.203,70	10.843,75	7,75
Kỳ 2 Tháng 1/2021	78.158.206.168	7.198.517,70	10.857,54	13,79
Kỳ 3 Tháng 1/2021	78.329.642.425	7.210.473,29	10.863,31	5,77
Kỳ 4 Tháng 1/2021	79.035.015.665	7.268.568,58	10.873,53	10,22
<b>Kỳ cuối Tháng 1/2021</b>	<b>80.923.046.260</b>	<b>7.420.697,00</b>	<b>10.905,04</b>	<b>31,51</b>
Kỳ 1 Tháng 2/2021	80.980.219.449	7.420.697,00	10.912,75	7,71
Kỳ 2 Tháng 2/2021	81.192.223.839	7.433.979,89	10.921,77	9,02
Kỳ 3 Tháng 2/2021	81.094.082.502	7.433.979,89	10.908,56	(13,21)
Kỳ 4 Tháng 2/2021	81.649.309.843	7.480.983,68	10.914,24	5,68
<b>Kỳ cuối Tháng 2/2021</b>	<b>81.709.080.862</b>	<b>7.471.181,26</b>	<b>10.936,56</b>	<b>22,32</b>
Kỳ 1 Tháng 3/2021	81.700.048.562	7.471.181,26	10.935,35	(1,21)
Kỳ 2 Tháng 3/2021	80.131.962.107	7.317.659,85	10.950,49	15,14
Kỳ 3 Tháng 3/2021	81.605.007.749	7.448.077,94	10.956,51	6,02
Kỳ 4 Tháng 3/2021	82.086.409.752	7.464.870,55	10.996,36	39,85
Kỳ 5 Tháng 3/2021	82.251.885.616	7.468.770,30	11.012,77	16,41
<b>Kỳ cuối Tháng 3/2021</b>	<b>82.330.217.982</b>	<b>7.480.163,60</b>	<b>11.006,47</b>	<b>(6,30)</b>
Kỳ 1 Tháng 4/2021	82.229.720.822	7.480.163,60	10.993,03	(13,44)
Kỳ 2 Tháng 4/2021	82.478.543.559	7.501.678,54	10.994,67	1,64
Kỳ 3 Tháng 4/2021	84.759.048.756	7.696.570,43	11.012,57	17,90
Kỳ 4 Tháng 4/2021	84.844.447.104	7.698.747,81	11.020,55	7,98
<b>Kỳ cuối Tháng 4/2021</b>	<b>85.176.514.051</b>	<b>7.724.634,19</b>	<b>11.026,60</b>	<b>6,05</b>

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

B06g-QM

18. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ 1 Tháng 5/2021	85.112.729.359	7.724.634,19	11.018,35	(8,25)
Kỳ 2 Tháng 5/2021	85.608.125.542	7.724.668,75	11.082,43	64,08
Kỳ 3 Tháng 5/2021	85.615.789.974	7.727.771,29	11.078,97	(3,46)
Kỳ 4 Tháng 5/2021	85.808.228.672	7.736.120,17	11.091,89	12,92
Kỳ cuối Tháng 5/2021	<b>87.568.706.101</b>	<b>7.889.159,34</b>	<b>11.099,87</b>	<b>7,98</b>
Kỳ 1 Tháng 6/2021	87.585.336.179	7.889.159,34	11.101,98	2,11
Kỳ 2 Tháng 6/2021	86.572.722.554	7.791.533,94	11.111,12	9,14
Kỳ 3 Tháng 6/2021	86.594.365.389	7.775.503,08	11.136,81	25,69
Kỳ 4 Tháng 6/2021	86.523.375.601	7.773.871,01	11.130,02	(6,79)
Kỳ 5 Tháng 6/2021	86.594.741.794	7.776.069,98	11.136,05	6,03
Kỳ cuối Tháng 6/2021	<b>87.858.179.067</b>	<b>7.880.109,35</b>	<b>11.149,36</b>	<b>13,31</b>

Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ 82.970.449.212

Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ - mức cao nhất:

Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ - mức thấp nhất:

64,08

(1,21)

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

B06g-QM

**19. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

**Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành**

Chi tiết theo thời gian có thể mua lại chứng chỉ quỹ:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 (chứng chỉ quỹ)	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 (chứng chỉ quỹ)
Đến một năm	<b>7.880.109,35</b>	<b>7.011.203,70</b>

**20. CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ MỞ**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (%)	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (%)
Tỷ lệ chi phí hoạt động	1,51	2,63
Tốc độ vòng quay danh mục	32,83	6,56

**20.1 Tỷ lệ chi phí hoạt động**

Tỷ lệ chi phí hoạt động là tỷ lệ đánh giá chi phí hoạt động của Quỹ tính cho một đơn vị giá trị tài sản ròng. Tại ngày kết thúc báo cáo tài chính giữa niên độ, tỷ lệ này sẽ được tính toán cho 12 tháng bằng cách nhân tỷ lệ của kỳ kế toán sáu tháng với bội số 2.

Tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động} * 100 (\%)}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong kỳ}}$$

Những chi phí không được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ khi tính chỉ tiêu tỷ lệ chi phí hoạt động bao gồm:

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí lãi, lỗ tỷ giá hối đoái (bao gồm đã thực hiện và chưa thực hiện);
- Thuế khấu trừ tại nguồn đối với thu nhập của các nhà đầu tư hoặc thuế phát sinh từ các khoản thu nhập đã nộp trong kỳ (thuế Thu nhập doanh nghiệp), bao gồm cả thuế nhà thầu;
- Chi phí mua, chi phí bán chứng chỉ quỹ và các chi phí khác phát sinh từ việc mua, bán chứng chỉ quỹ; và
- Các khoản cổ tức và các khoản phân phối khác đã trả cho nhà đầu tư.

**20.2 Tốc độ vòng quay danh mục**

Tốc độ vòng quay danh mục là số quay vòng tài sản đầu tư của Quỹ trong một (1) năm. Tại ngày kết thúc báo cáo tài chính giữa niên độ, tỷ lệ này sẽ được tính toán cho 12 tháng bằng cách nhân tỷ lệ của kỳ kế toán sáu tháng với bội số 2.

Tốc độ vòng quay danh mục được xác định theo công thức:

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua trong kỳ} + \text{Tổng giá trị bán trong kỳ})/2 * 100 (\%)}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong kỳ}}$$



# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

B06g-QM

## 21. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quý có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động của Quý. Quý cũng đã được Công ty Quản lý Quỹ xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

### 21.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư chứng khoán.

#### (i) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quý chủ yếu liên quan đến tiền gửi ngân hàng, trái phiếu doanh nghiệp và chứng chỉ tiền gửi của Quý. Những tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quý nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quý và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty Quản lý Quỹ tin rằng rủi ro lãi suất không có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động của Quý. Quý không áp dụng phương pháp phân tích độ nhạy đối với lãi suất do danh mục đầu tư của Quý là các tài sản tài chính cho thu nhập cố định, có rủi ro lãi suất thấp và Quý đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp, chứng chỉ tiền gửi có lãi suất ổn định tại ngày lập báo cáo tài chính.

#### (ii) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Quý được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo và giao dịch chính của Quý là VNĐ. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Quý là không có do Quý không nắm giữ tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021.

#### (iii) Rủi ro về giá chứng khoán

Các trái phiếu niêm yết do Quý nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của trái phiếu đầu tư. Quý quản lý rủi ro về giá trái phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng đầu tư của Quý cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào trái phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào trái phiếu niêm yết của Quý là 33.674.236.805 VNĐ. Nếu giá trị thị trường của các trái phiếu này giảm 10% thì kết quả hoạt động của Quý sẽ giảm khoảng 3.367.423.680 đồng, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá thị trường của các trái phiếu này tăng lên 10%, kết quả hoạt động của Quý sẽ tăng lên khoảng 3.367.423.680 đồng.

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

B06g-QM

## 21. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 21.2 *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ của mình theo cam kết, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ tài sản tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng, trái phiếu doanh nghiệp, chứng chỉ tiền gửi và các công cụ tài chính khác.

Quỹ chủ yếu duy trì số dư tiền gửi, trái phiếu doanh nghiệp và chứng chỉ tiền gửi tại các ngân hàng, tổ chức tín dụng và tổ chức kinh tế có uy tín ở Việt Nam. Rủi ro đối với số dư tiền gửi, trái phiếu doanh nghiệp và chứng chỉ tiền gửi tại các ngân hàng, các tổ chức tín dụng và tổ chức kinh tế được quản lý bởi bộ phận quản lý đầu tư của Quỹ theo chính sách của Quỹ. Quỹ nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng, trái phiếu doanh nghiệp và chứng chỉ tiền gửi là rất thấp.

Chính sách của Quỹ là đầu tư vào các công cụ tài chính của các đối tác có uy tín. Bộ phận quản lý đầu tư theo dõi chặt chẽ tình hình tín dụng của các đối tác của Quỹ bằng cách xem xét tình hình tài chính, khả năng trả nợ của đối tác, báo cáo tài chính và thông tin đại chúng.

### 21.3 *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Quỹ đầu tư chủ yếu trên thị trường chứng khoán và các công cụ tài chính khác, trong điều kiện bình thường của thị trường, có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt. Quỹ giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

B06g-QM

22. THUYẾT MINH BỔ SUNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Quỹ tại thời điểm cuối kỳ:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021		Ngày 31 tháng 12 năm 2020	
	Giá trị ghi sổ VNĐ	Giá trị hợp lý VNĐ	Giá trị ghi sổ VNĐ	Giá trị hợp lý VNĐ
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và tương đương tiền	20.084.678.928	20.084.678.928	7.781.150.217	7.781.150.217
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở	1.518.638.680	1.518.638.680	4.775.539.258	4.775.539.258
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng	18.566.040.248	18.566.040.248	3.005.610.959	3.005.610.959
- Các khoản đầu tư	65.002.166.990	65.002.166.990	65.067.923.368	65.067.923.368
- Trái phiếu doanh nghiệp	42.002.166.990	42.002.166.990	27.872.291.285	27.872.291.285
- Chứng chỉ tiền gửi	20.000.000.000	20.000.000.000	28.000.000.000	28.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng	3.000.000.000	3.000.000.000	9.195.632.083	9.195.632.083
- Các khoản phải thu	3.095.163.161	3.095.163.161	3.435.651.007	3.435.651.007
	<b>88.182.009.079</b>	<b>88.182.009.079</b>	<b>76.284.724.592</b>	<b>76.284.724.592</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ	14.259.208	14.259.208	8.609.375	8.609.375
Chi phí phải trả	99.003.288	99.003.288	145.200.000	145.200.000
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	76.000.000	76.000.000	81.939.777	81.939.777
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ	48.342.756	48.342.756	-	-
Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	75.942.923	75.942.923	75.182.793	75.182.793
Phải trả, phải nộp khác	4.958.904	4.958.904	-	-
	<b>318.507.079</b>	<b>318.507.079</b>	<b>310.931.945</b>	<b>310.931.945</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bất buộc phải bán hoặc thanh lý.

Quỹ sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu, phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, chi phí phải trả, phải trả cho Nhà đầu tư về mua và mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở và phải trả, phải nộp khác bằng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của trái phiếu doanh nghiệp, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi có kỳ hạn được ước tính theo phương pháp định giá quy định tại *Thuyết minh 3.3.*

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

B06g-QM

**23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHÓT KHÁC**

**23.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan**

**a) Công ty Quản lý Quỹ**

Các giao dịch trọng yếu trong kỳ như sau:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VNĐ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 VNĐ
Giá dịch vụ quản lý Quỹ mở	<b>41.151.070</b>	<b>276.917.065</b>

Số dư tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VNĐ
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ	<b>7.122.923</b>	<b>6.362.793</b>

**b) Thủ lao của Ban Đại diện Quỹ**

Ngoài tiền thù lao, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích quan trọng trong hợp đồng. Phụ cấp cho Ban Đại diện Quỹ được hạch toán vào chi phí của Quỹ.

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VNĐ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 VNĐ
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	<b>60.000.000</b>	<b>60.000.000</b>

Số dư tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VNĐ
Phải trả thù lao Ban Đại diện Quỹ	<b>27.000.000</b>	<b>-</b>

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

B06g-QM

**23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)**

**23.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)**

**c) Số lượng chứng chỉ quỹ mà bên liên quan nắm giữ**

Chi tiết số lượng chứng chỉ quỹ được nắm giữ bởi bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>		<i>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	
		<i>Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>	<i>Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>
Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank	Công ty Quản lý Quỹ	5.000.000,00	63,45	5.000.000,00	71,31
Bên liên quan khác		278.032,01	3,51	146.880,57	2,10
		<b>5.278.032,01</b>	<b>66,96</b>	<b>5.146.880,57</b>	<b>73,41</b>

**23.2 Các hợp đồng then chốt khác**

*Ngân hàng Giám sát*

Theo hợp đồng giám sát và lưu ký ký với Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam ("Ngân hàng Giám sát"), Quý có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ giám sát là 0,04% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quý với mức tối thiểu là 18.000.000 đồng một tháng, mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, và giá dịch vụ lưu ký là 0,04% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quý với mức tối thiểu là 18.000.000 đồng một tháng.

Ngân hàng Giám sát cũng đồng thời là tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Quý có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,04% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quý, với mức tối thiểu là 18.000.000 đồng một tháng, mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Ngoài ra, Quý có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ giao dịch chứng khoán là 220.000 VNĐ/giao dịch.

Chi tiết giá dịch vụ và thu nhập phát sinh trong kỳ như sau:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VNĐ</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 VNĐ</i>
Giá dịch vụ giám sát	118.800.000	111.100.000
Giá dịch vụ quản trị Quỹ mở	118.800.000	99.000.000
Giá dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	108.000.000	101.000.000
Giá dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	660.000	440.000
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	1.128.488	1.616.182
Phí ngân hàng	4.997.300	2.209.350

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

B06g-QM

**23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHÓT KHÁC (tiếp theo)**

**23.2 Các hợp đồng then chốt khác (tiếp theo)**

Số dư tại thời điểm cuối kỳ như sau:


	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VNĐ
Tiền gửi thanh toán	1.518.638.680	4.775.539.258
Phải trả dịch vụ giám sát	19.800.000	19.800.000
Phải trả dịch vụ quản trị quỹ	19.800.000	19.800.000
Phải trả dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	18.000.000	18.000.000
Phải trả dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	220.000	220.000

**24. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

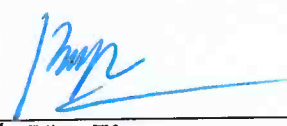
Ngoài các thông tin đã trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ.

  
Bà Trần Thị Hà Linh  
Trưởng phòng - Khối điều hành và dịch vụ



  
Ông Vũ Quang Đông  
Tổng Giám đốc

  
Bà Nguyễn Mai Hoa  
Người lập biểu

  
Bà Nguyễn Băng Tâm  
Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2021